

CÔNG BÁO

NƯỚC VIỆT-NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>		<i>Trang</i>
HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ		<i>về việc quản lý kinh phí của các Viện kiểm sát nhân dân địa phương.</i>	
10-12-1970 — Nghị định số 236-CP ban hành Điều lệ tạm thời phân phối lợi nhuận xí nghiệp công nghiệp quốc doanh.	309		327
31-12-1971 — Nghị định số 242-CP ban hành điều lệ về việc lập, thẩm tra, xét duyệt thiết kế các công trình xây dựng	315	ỦY BAN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT NHÀ NƯỚC	
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ		14-12-1971 — Quyết định số 328-KHKT/QĐ ban hành 21 tiêu chuẩn Nhà nước.	328
14-12-1971 — Quyết định số 343-TTg ban hành chế độ báo cáo thống kê và kế toán định kỳ chính thức của các đơn vị cung ứng vật tư kỹ thuật.	323	23-12-1971 — Quyết định số 358-KHKT/QĐ ban hành 5 tiêu chuẩn Nhà nước	330
20-12-1971 — Chỉ thị số 352-TTg về việc tăng cường công tác quản lý lao động để bảo đảm đầy mạnh công tác xây dựng cơ bản trong mùa khô.	326	29-12-1971 — Quyết định số 375-KHKT/QĐ ban hành 187 tiêu chuẩn Nhà nước	331
CÁC BỘ		BỘ VĂN HÓA	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO — BỘ TÀI CHÍNH		27-9-1971 — Quyết định số 110-VH/QĐ quy định tạm thời khung bậc lương của 6 nghề trong ngành in chưa có tiêu chuẩn cấp bậc kỹ thuật	340
28-12-1971 — Thông tư số 1 TT/VKS/BTC		27-9-1971 — Quyết định số 111-VH/QĐ ban hành bảng tiêu chuẩn kỹ thuật của công nhân 39 nghề trong ngành in	341
HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ		BỘ Y TẾ	
NGHỊ ĐỊNH số 236-CP ngày 10-12-1970 ban hành Điều lệ tạm thời phân phối lợi nhuận xí nghiệp công nghiệp quốc doanh*		18-8-1971 — Quyết định số 478-BYT/QĐ công bố hết hiệu lực thi hành tiêu chuẩn ngành của 81 vị dược liệu.	342

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

NGHỊ ĐỊNH số 236-CP ngày 10-12-1970 ban hành Điều lệ tạm thời phân phối lợi nhuận xí nghiệp công nghiệp quốc doanh*

Căn cứ quyết định số 140-CP ngày 13-9-1968 của Hội đồng Chính phủ về việc thi điểm cải

tiến chế độ thu và chế độ phân phối lợi nhuận xí nghiệp quốc doanh;
 Xét sự cần thiết phải cải tiến chế độ phân phối lợi nhuận xí nghiệp công nghiệp quốc doanh để tăng cường quản lý kinh tế tài chính, nâng cao trình độ hạch toán kinh tế, tăng tích lũy xã hội chủ nghĩa, làm cho xí nghiệp quan tâm đến kết

* Nghị định này bị sót không in trong công báo năm 1970. Nay in vào công báo năm 1971.

0967 165 330
 www.ThuVienPhapLuat.com
 Tel: +84-8-3846 6684
 LawSut

quả sản xuất, làm ăn có tính toán, sử dụng vật tư, lao động, tiền vốn có hiệu quả kinh tế cao;

NGHỊ ĐỊNH

Điều 1.—Nay ban hành Điều lệ tạm thời phân phối lợi nhuận xí nghiệp công nghiệp quốc doanh kèm theo nghị định này.

Điều 2.—Điều lệ này được áp dụng kể từ năm 1970 cho những xí nghiệp thuộc diện thí điểm cải tiến quản lý và từ năm 1971 trở đi hàng năm sẽ được áp dụng rộng rãi cho những xí nghiệp có đủ những điều kiện sau đây:

- Sản xuất tương đối ổn định và có lãi;
- Có kế hoạch sản xuất — kỹ thuật — tài chính được duyệt;
- Đã thực hiện hạch toán kinh tế tương đối tốt, nhất là hạch toán giá thành, có giá bán buôn xí nghiệp được cơ quan có thẩm quyền quy định;
- Đã thực hiện nghiêm chỉnh chế độ hợp đồng kinh tế.

Hàng năm, xí nghiệp nào được xét có đủ điều kiện đề áp dụng chế độ phân phối lợi nhuận mới sẽ do Bộ, Tổng-cục chủ quản hoặc Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định.

Đối với các xí nghiệp trong các công ty, sẽ tùy theo tính chất hạch toán kinh tế độc lập hay không mà Bộ Tài chính cùng Bộ chủ quản hướng dẫn thêm.

Điều 3.— Đối với những xí nghiệp được chuyển sang áp dụng chế độ phân phối lợi nhuận mới, thì các khoản tiền thuộc quỹ xí nghiệp cũ dành chi cho phát triển sản xuất, phúc lợi tập thể, trợ cấp khó khăn đột xuất, khen thưởng thi đua, còn lại đến cuối năm, trước khi chuyển sang chế độ phân phối lợi nhuận mới (cuối năm 1970 đối với những xí nghiệp được xét duyệt cho chuyển từ năm 1971) sẽ tùy theo mục đích sử dụng mà chuyển nhập vào các loại quỹ tương ứng theo điều lệ này.

Điều 4.— Ông Bộ trưởng Bộ Tài chính có trách nhiệm bàn bạc với các Bộ và Tổng cục chủ quản và ra thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành điều lệ này cho thích hợp với điều kiện sản xuất và kinh doanh của các ngành.

Hà nội, ngày 10 tháng 12 năm 1970

T.M Hội đồng Chính phủ

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

LÊ THANH NGHỊ

ĐIỀU LỆ TẠM THỜI về phân phối lợi nhuận xí nghiệp công nghiệp quốc doanh

Điều 1.— Chế độ phân phối lợi nhuận xí nghiệp quốc doanh là một bộ phận của chế độ quản lý xí nghiệp của Nhà nước nhằm mục đích:

1. Tăng cường quản lý xí nghiệp, quản lý chặt chẽ lao động, vật tư, kỹ thuật, tiền vốn, thực hành tiết kiệm, nâng cao trình độ kế hoạch hóa và hạch toán kinh tế, thúc đẩy và tạo điều kiện cho xí nghiệp chăm lo phát triển sản xuất, phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước.

2. Tăng tích lũy xã hội chủ nghĩa, làm cho xí nghiệp quan tâm khai thác mọi năng lực sản xuất của mình, sử dụng lao động, vật tư, tiền vốn với hiệu quả kinh tế cao, vừa góp phần tăng thu cho ngân sách Nhà nước, vừa đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất, chăm lo phúc lợi của cán bộ, công nhân, viên chức trong xí nghiệp.

Điều 2.— Chế độ phân phối lợi nhuận xí nghiệp công nghiệp quốc doanh xuất phát từ những yêu cầu cơ bản sau đây về quản lý xí nghiệp:

1. Quán triệt nguyên tắc tập trung dân chủ, tăng cường sự lãnh đạo tập trung và quản lý thống nhất của Nhà nước; trên cơ sở ấy, xác lập quyền làm chủ tập thể của xí nghiệp, mở rộng thêm một bước nghĩa vụ và quyền hạn về kinh tế và tài chính của xí nghiệp.

2. Lấy kế hoạch làm công cụ chủ yếu để quản lý xí nghiệp trên cơ sở đề cao nghĩa vụ của xí nghiệp bảo đảm hoàn thành kế hoạch theo các chỉ tiêu pháp lệnh của Nhà nước mà phân phối có kế hoạch thu nhập do xí nghiệp làm ra.

3. Tăng cường hạch toán kinh tế, thúc đẩy tiết kiệm và khuyến khích xí nghiệp thường xuyên phấn đấu hạ giá thành sản phẩm và tăng doanh lợi của xí nghiệp.

4. Kết hợp đúng đắn lợi ích của Nhà nước với lợi ích xí nghiệp và lợi ích của công nhân viên chức, làm cho công nhân, viên chức vừa quan tâm đến lợi ích của Nhà nước, vừa quan tâm đến lợi ích của xí nghiệp và của bản thân mà chăm lo không ngừng phát triển sản xuất cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước.

MỤC 1 — LỢI NHUẬN XÍ NGHIỆP

Điều 3.— Lợi nhuận xí nghiệp gồm có:

— Lợi nhuận thu được do thực hiện sản phẩm hàng hóa thuộc hoạt động kinh doanh cơ bản

của xí nghiệp công nghiệp, là số chênh lệch giữa giá bán buôn xí nghiệp và giá thành toàn bộ của sản phẩm hàng hóa ;

— Lợi nhuận thu được về các hoạt động ngoài kinh doanh cơ bản, về việc cung cấp lao vụ cho bên ngoài. Lợi nhuận này là số chênh lệch giữa thu và chi về các hoạt động kinh doanh nói trên ;

— Lợi nhuận cao tiêu thụ hàng hóa sản xuất bằng phế liệu ;

— Lợi tức về tiền gửi Ngân hàng và các lợi nhuận khác.

Điều 4. — Việc phân phối lợi nhuận xí nghiệp căn cứ vào mức độ hoàn thành kế hoạch lợi nhuận đã được duyệt của xí nghiệp. Xí nghiệp đạt kế hoạch lợi nhuận cao thì được trích nhiều, đạt lợi nhuận thấp thì được trích ít, không có lợi nhuận thì không được trích. Việc phân phối lợi nhuận xí nghiệp nhằm những mục tiêu sau đây :

— Khuyến khích việc phấn đấu đạt mức doanh lợi cao, bằng cách trích lập cho xí nghiệp 3 quỹ : quỹ khuyến khích phát triển sản xuất, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi theo tỷ lệ phần trăm (%) của lợi nhuận thực hiện ;

— Khuyến khích việc xây dựng kế hoạch lợi nhuận một cách tích cực và phấn đấu thực hiện vượt mức kế hoạch đó, bằng cách cho trích vào ba quỹ nói trên theo một tỷ lệ cao hơn, nếu xí nghiệp đăng ký nhận chỉ tiêu lợi nhuận cao hơn số kiểm tra do Nhà nước giao xuống ;

— Khuyến khích xí nghiệp tận dụng phế liệu để sản xuất các mặt hàng phụ, bằng cách cho trích đại bộ phận lợi nhuận thu được về việc này vào ba quỹ của xí nghiệp.

Điều 5. — Việc đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch lợi nhuận của xí nghiệp được thực hiện bằng cách đối chiếu, so sánh lợi nhuận kế hoạch với lợi nhuận thực tế của xí nghiệp.

Lợi nhuận kế hoạch của xí nghiệp là lợi nhuận được cơ quan chủ quản duyệt và được ghi trong kế hoạch tài chính hàng năm (có phân chia ra từng quý, từng tháng) của xí nghiệp.

Điều 6. — Lợi nhuận kế hoạch của xí nghiệp gồm :

— Lợi nhuận dự kiến phải đạt được về các hoạt động kinh doanh cơ bản, căn cứ vào các chỉ tiêu của kế hoạch Nhà nước ;

— Lợi nhuận dự kiến phải đạt được về các hoạt động ngoài kinh doanh cơ bản và về cung cấp lao vụ cho bên ngoài của xí nghiệp và của các đơn vị phụ thuộc của xí nghiệp (như tổ chức thu mua, tổ chức vận tải, v.v...) nằm trong bảng cân đối thu, chi của xí nghiệp, và các khoản lợi nhuận về các hoạt động khác đã đi vào nền nếp thường xuyên, mà xí nghiệp có thể kế hoạch hóa được và cơ quan chủ quản thấy cần phải

ghi vào chỉ tiêu kế hoạch của Bộ, Tổng cục giao xuống cho xí nghiệp.

Điều 7. — Lợi nhuận thực tế của xí nghiệp là lợi nhuận được ghi trong báo cáo quyết toán hàng tháng, hàng quý và hàng năm của xí nghiệp.

Nếu trong thời gian kế hoạch, do giá cả thay đổi, mà số thu về lợi nhuận tăng lên, thì xí nghiệp phải nộp toàn bộ số tiền thu thêm được do giá cả thay đổi vào ngân sách Nhà nước. Trong trường hợp này, số lợi nhuận thực tế của xí nghiệp dùng để đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch lợi nhuận của xí nghiệp cũng như để xác định mức trích lập các quỹ của xí nghiệp sẽ phải trừ đi số tiền thu thêm được do yếu tố giá cả thay đổi đó.

Nếu trong thời gian kế hoạch, cũng do yếu tố giá cả thay đổi mà số thu về lợi nhuận xí nghiệp giảm đi, thì lợi nhuận kế hoạch của xí nghiệp được trừ đi số tiền giảm bớt đó.

Những khoản lợi nhuận khác phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch, không thể dự trừ trong kế hoạch lợi nhuận đầu năm hoặc trong kế hoạch điều chỉnh trong năm đều phải tách ra khỏi lợi nhuận thực tế trong việc đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch lợi nhuận của xí nghiệp. Số lợi nhuận này được gộp vào lợi nhuận vượt kế hoạch để phân phối, theo quy định ở điều 12 dưới đây.

Những khoản lợi nhuận do xí nghiệp đã khai thác mọi năng lực phụ mà đạt thêm được trong thời gian kế hoạch được phân phối như lợi nhuận thu được về thực hiện hàng hóa sản xuất bằng phế liệu, nói ở điều 13 dưới đây.

MỤC II — PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN XÍ NGHIỆP

Điều 8. — Nếu xí nghiệp được công nhận là hoàn thành kế hoạch lợi nhuận, thì lợi nhuận phân phối như sau :

a) Trích nộp vào ngân sách Nhà nước một tỷ lệ phần trăm nhất định của lợi nhuận kế hoạch, tối thiểu là 10% ;

b) Trích một tỷ lệ phần trăm của số lợi nhuận đạt được đó vào quỹ khuyến khích phát triển sản xuất của xí nghiệp ;

c) Trích lập quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi theo các tiêu chuẩn quy định trong điều lệ này ;

d) Phần còn lại, Nhà nước để cho xí nghiệp góp vào vốn xây dựng cơ bản tập trung, bổ sung vốn lưu động nếu có kế hoạch được Nhà nước duyệt. Nếu không có yêu cầu chi về những việc này hoặc chi không hết, thì nộp vào ngân sách Nhà nước.

Điều 9. — Nếu xí nghiệp không hoàn thành kế hoạch lợi nhuận thì lợi nhuận thực tế được phân phối theo trật tự ưu tiên như sau :

1. Trước hết trích nộp vào ngân sách Nhà nước đủ số phải nộp đã tính, căn cứ vào lợi nhuận kế hoạch, như nói ở điều 8.

2. Đảm bảo số vốn cần thiết để góp vốn xây dựng cơ bản tập trung hoặc bổ sung vốn lưu động nếu có kế hoạch được Nhà nước duyệt. Nếu không có yêu cầu chi về những việc này hoặc chi không hết, thì nộp phần lợi nhuận dành cho mục này vào ngân sách Nhà nước.

3. Trích lập quỹ khuyến khích phát triển sản xuất theo tỷ lệ như quy định ở điều 8 và theo mức độ hoàn thành kế hoạch.

4. Phần còn lại, nếu có, dùng để trích lập quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi.

Điều 10. — Đối với các xí nghiệp được duyệt là không có lãi, hoặc kế hoạch có lỗ, thì số hạ giá thành kế hoạch so với giá thành thực tế năm trước được coi như lợi nhuận kế hoạch.

Điều 11. — Kế hoạch phân phối, sử dụng lợi nhuận đạt kế hoạch của xí nghiệp phải được ghi rõ trong kế hoạch tài chính hàng năm (có chia ra từng quý, từng tháng) của xí nghiệp, được cơ quan chủ quản duyệt. Trên cơ sở kế hoạch được duyệt này sẽ tiến hành việc trích nộp lợi nhuận kế hoạch vào ngân sách Nhà nước, cũng như việc dự trữ số vốn cần thiết để bổ sung vốn lưu động hoặc góp vốn xây dựng cơ bản tập trung.

Điều 12. — Lợi nhuận vượt kế hoạch của xí nghiệp là số chênh lệch cao hơn của lợi nhuận thực tế (nói ở điều 7) so với lợi nhuận kế hoạch (nói ở điều 5 và điều 6).

Đối với các xí nghiệp được duyệt là không có lãi hoặc có kế hoạch lỗ, thì số tiết kiệm do hạ giá thành thực tế được nhiều hơn so với giá thành kế hoạch được coi như lợi nhuận vượt kế hoạch.

Lợi nhuận vượt kế hoạch của xí nghiệp được phân phối như sau :

	Nếu vượt kế hoạch căn cứ vào số kiểm tra được giao	Nếu vượt kế hoạch đã đăng ký phần đầu cao hơn
— Nộp vào ngân sách Nhà nước	60%	30%
— Trích vào quỹ khuyến khích phát triển sản xuất	20%	40%
— Trích vào quỹ khen thưởng	10%	15%
— Trích vào quỹ phúc lợi	10%	15%

Điều 13. — Xí nghiệp nào tận dụng phế liệu để sản xuất thêm mặt hàng phụ, được tách riêng số lợi nhuận thu được, do tiêu thụ hàng hóa sản xuất bằng phế liệu, ra khỏi tổng số lợi nhuận của xí nghiệp và được phân phối số lợi nhuận đó như sau :

— Nộp vào ngân sách Nhà nước 20%,

— Trích vào quỹ khuyến khích phát triển sản xuất 40%,

— Trích vào quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi mỗi quỹ 20% để khuyến khích những tập thể và cá nhân công nhân, viên chức xí nghiệp đã đóng góp nhiều công sức vào việc sản xuất hàng bằng phế liệu.

Điều 14. — Căn cứ vào những nguyên tắc trên đây, Bộ Tài chính và các Bộ, Tổng cục chủ quản nghiên cứu và trình Thủ tướng Chính phủ xét duyệt mức trích vào lợi nhuận kế hoạch áp dụng cho từng ngành sản xuất (công ty) và loại xí nghiệp cho phù hợp với tính chất, điều kiện và vị trí sản xuất của ngành (công ty) và loại xí nghiệp, đối với nền kinh tế quốc dân.

Trong phạm vi mức chung ấn định cho từng ngành (công ty) và loại xí nghiệp, Bộ, Tổng cục chủ quản ấn định mức trích cụ thể cho từng xí nghiệp căn cứ vào mức doanh lợi, tình hình lao động, thiết bị v.v... của từng xí nghiệp.

MỤC III — CHẾ ĐỘ TRÍCH NỘP LỢI NHUẬN XÍ NGHIỆP VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 15. — Các xí nghiệp quốc doanh trung ương và địa phương, vô luận có nộp thu nhập thuần túy dưới hình thức thu quốc doanh hay không, đều có nhiệm vụ trích nộp lợi nhuận vào ngân sách Nhà nước. Ngoài trường hợp có lý do khách quan được chấp nhận, nếu xí nghiệp chưa nộp đủ số phải nộp trong năm kế hoạch, thì số còn thiếu phải ghi thành nợ ngân sách Nhà nước để trích nộp bù trong các năm sau.

Điều 16. — Việc trích nộp lợi nhuận tiến hành hàng tháng, dựa trên cơ sở lợi nhuận thực tế đạt được, căn cứ vào quyết toán hoặc bảng cân đối tài khoản đã được cơ quan thu duyệt.

Trong khi chưa xác định được số lợi nhuận thực tế đạt được, để đảm bảo thu kịp thời vào ngân sách và hạn chế việc sử dụng ngoài kế hoạch những khoản tiền phải nộp vào ngân sách, xí nghiệp phải trích nộp lợi nhuận vào ngân sách theo kế hoạch và thanh toán lại theo thực tế, Bộ Tài chính ấn định số lần phải nộp lợi nhuận trong một tháng.

Điều 17. — Đến hạn nộp, xí nghiệp phải chủ động tính và nộp lợi nhuận vào ngân sách, theo đúng điều lệ của Nhà nước.

096/1
 www.ThuVienPhapLuat.com
 Tel: +84-8-3845 6684
 LAWSON

Ngân hàng Nhà nước phải trích tài khoản của xí nghiệp chuyển nộp ngay cho ngân sách Nhà nước trong ngày kế tiếp ngày nhận được giấy nộp tiền của xí nghiệp. Nếu tài khoản của xí nghiệp không có tiền để nộp đủ số phải nộp thì ngân hàng căn cứ vào trật tự ưu tiên đã quy định mà chuyển tiền nộp vào ngân sách; sau đó tiền vào tài khoản xí nghiệp đến đâu thì tiếp tục trích nộp vào ngân sách đến đó cho đủ số.

Điều 18. — Các xí nghiệp đến hạn trích nộp lợi nhuận vào ngân sách Nhà nước mà chưa nộp thì cứ mỗi ngày chậm nộp, phải nộp một số tiền phạt bằng 0,10% số tiền chậm nộp.

Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm chuyển nộp đúng hạn số trích nộp lợi nhuận xí nghiệp vào ngân sách Nhà nước, nếu chuyển nộp chậm làm cho xí nghiệp phải phạt thì ngân hàng phải bồi thường thiệt hại cho xí nghiệp.

MỤC IV — TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG QUỸ KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT

Điều 19. — Quỹ khuyến khích phát triển sản xuất được Nhà nước cho phép trích từ các khoản thu nhập tài chính xí nghiệp sau khi đã hoàn thành kế hoạch và giao cho xí nghiệp sử dụng vào những việc sau đây :

a) Cải tiến một phần máy móc thiết bị; thay thế thiết bị cũ và mua thêm thiết bị lẻ; cải tiến nhỏ quy trình công nghệ sản xuất, bố trí sắp xếp lại dây chuyền sản xuất theo yêu cầu cải tiến kỹ thuật và hợp lý hóa sản xuất; nâng cao công suất máy móc, thiết bị hoặc tăng thêm hiệu suất sử dụng máy.

b) Xây dựng cơ bản nhỏ và dưới hạn ngạch các công trình trực tiếp phục vụ sản xuất như mở rộng, củng cố, hoàn thiện, làm thêm nhà cửa sản xuất, kho tàng và các vật kiến trúc, điều chỉnh và tu sửa mặt bằng xí nghiệp để mở rộng sản xuất.

c) Mua sắm, chế tạo, thay đổi một bộ phận máy móc thiết bị nhằm chế thử sản phẩm mới hoặc để sản xuất các mặt hàng phụ bằng phế liệu.

d) Mua sắm, chế tạo những thiết bị hoặc bộ phận thiết bị nhằm cải thiện điều kiện lao động, đảm bảo vệ sinh công nghiệp, bảo vệ an toàn lao động của công nhân sản xuất; xây dựng bổ sung các công trình bảo vệ an toàn cho máy móc thiết bị và công nhân.

Điều 20. — Nếu trong năm, xí nghiệp không sử dụng hết quỹ khuyến khích phát triển sản xuất, thì được giữ lại chuyển sang năm sau.

Điều 21. — Khi hoàn thành sử dụng quỹ khuyến khích phát triển sản xuất, xí nghiệp phải ghi tăng giá trị tài sản cố định theo số chi phí đã bỏ ra và phải tính khấu hao (khấu hao cơ bản và khấu hao sửa chữa lớn) theo chế độ.

Điều 22. — Nguồn vốn và cơ sở trích quỹ khuyến khích phát triển sản xuất hàng năm được quy định như sau :

a) Trích từ số khấu hao cơ bản: theo tỷ lệ phần trăm của số đã trích khấu hao cơ bản (Mỗi Bộ sẽ căn cứ vào tình trạng trang bị kỹ thuật, nhu cầu về cải tiến kỹ thuật và hợp lý hóa sản xuất, phương hướng phát triển của từng ngành công nghiệp để nghiên cứu, quy định và lập danh sách đăng ký tỷ lệ trích với cơ quan tài chính cho từng nhóm, từng loại xí nghiệp khác nhau. Mức phân phối xuống các xí nghiệp là từ 20% đến 50% tổng số thực thu về khấu hao cơ bản của các xí nghiệp đó).

b) Toàn bộ số thu về nhượng bán tài sản cố định cũ và không cần dùng; đã được cấp trên cho phép sau khi đã được cơ quan tài chính thỏa thuận.

c) Trích từ lợi nhuận kế hoạch, lợi nhuận vượt kế hoạch, lợi nhuận do thực hiện hàng hóa tự sản xuất bằng phế liệu, theo những mức quy định ở các điều 12, 13 và 14 của điều lệ này.

Điều 23. — Quỹ khuyến khích phát triển sản xuất được trích hàng tháng sau khi đã có báo cáo quyết toán của xí nghiệp.

Mức trích hàng tháng phải phù hợp với các chỉ tiêu nguồn thu và cơ sở trích trong tháng đó.

Điều 24. — Số được trích và thanh toán lại từ lợi nhuận được quy định như sau :

a) Trường hợp xí nghiệp không đạt được kế hoạch lợi nhuận thì chỉ được trích theo tỷ lệ phần trăm mức đã đạt kế hoạch.

b) Trường hợp xí nghiệp có kế hoạch lợi nhuận, nhưng khi thực hiện lại không có lợi nhuận, hoặc bị lỗ thì không được phép trích vì chưa có nguồn trích.

Trong cả 2 trường hợp a và b nói trên, nếu cần xí nghiệp được phép vay vốn ở ngân hàng Nhà nước để chi cho kế hoạch phát triển sản xuất và sẽ dùng quỹ khuyến khích phát triển sản xuất của các năm sau để trả.

c) Trường hợp xí nghiệp có điều kiện hoàn thành kế hoạch trích quỹ khuyến khích phát triển sản xuất, nhưng cần vốn để sử dụng trước, thì được phép vay vốn ở ngân hàng Nhà nước và dùng quỹ khuyến khích phát triển sản xuất để trả, khi đã được trích đủ theo chế độ.

d) Trường hợp xí nghiệp không có lợi nhuận, hoặc có lỗ theo kế hoạch thì ngân sách Nhà nước cấp phát hoặc cho bổ sung bằng vốn

khấu hao cơ bản nộp cấp trên (công ty hoặc Bộ). Trong trường hợp này Bộ chủ quản lập dự toán riêng đề Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xét duyệt.

Điều 25. — Quỹ khuyến khích phát triển sản xuất được trích lập phải gửi vào một tài khoản riêng tại Ngân hàng Nhà nước để ngân hàng Nhà nước giám đốc việc sử dụng.

Điều 26. — Quỹ khuyến khích phát triển sản xuất được trích lập và thanh toán theo kết quả thu nhập tài chính của từng xí nghiệp, cơ quan chủ quản cấp trên không được tự ý điều hòa từ xí nghiệp này sang xí nghiệp khác về nguồn vốn để trích cũng như số quỹ đã được trích. Trường hợp cơ quan chủ quản xét cần phải huy động quỹ này để sử dụng chung cho việc tổ chức hợp tác cải tiến kỹ thuật và hợp lý hóa sản xuất giữa các xí nghiệp trong cùng một ngành sản xuất, thì phải bàn bạc, thỏa thuận với xí nghiệp, và mức huy động không được quá 10% số quỹ của mỗi xí nghiệp.

Điều 27. — Hàng năm, khi lập kế hoạch sản xuất — kỹ thuật — tài chính, xí nghiệp phải đồng thời lập kế hoạch và dự toán sử dụng quỹ khuyến khích phát triển sản xuất (có ghi rõ công việc làm, chi phí từng việc, thời hạn hoàn thành, dự kiến hiệu quả kinh tế và kết quả tăng thu về tài chính).

Kế hoạch và dự toán đó phải được đăng ký với các cơ quan ngân hàng Nhà nước và cơ quan tài chính có liên quan, nhằm bố trí kế hoạch rút quỹ hoặc cho vay thêm vốn và giám đốc việc thực hiện.

Điều 28. — Cuối mỗi quý và năm, xí nghiệp và công ty phải lập báo cáo thanh toán trích và quyết toán sử dụng quỹ khuyến khích phát triển sản xuất trình Bộ, Tổng cục chủ quản xét duyệt.

Điều 29. — Các cơ quan tài chính và ngân hàng Nhà nước sẽ từ chối không thanh toán và không cho rút quỹ khuyến khích phát triển sản xuất trong trường hợp xí nghiệp sử dụng quỹ hoặc chi tiêu trái với điều lệ này và chế độ tài chính của Nhà nước.

MỤC V — TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG QUỸ KHEN THƯỞNG VÀ QUỸ PHÚC LỢI

Điều 30. — Quỹ khen thưởng dùng để tạo điều kiện cho xí nghiệp thực hiện đầy đủ chính sách khen thưởng của Nhà nước, và có thể mở rộng diện khen thưởng đối với những cá nhân và tập thể trong xí nghiệp đã góp phần trội hơn vào việc quản lý và sản xuất, kinh doanh, làm tăng doanh lợi của xí nghiệp. Cụ thể là đề :

a) Khen thưởng cuối năm cho công nhân, viên chức, kể cả giám đốc xí nghiệp, có thành tích trong năm đối với việc hoàn thành kế hoạch;

b) Khen thưởng đột xuất trong năm những công nhân, viên chức có thành tích xuất sắc trong các cuộc vận động thi đua hoặc trong từng quá trình sản xuất nhất định, những điển hình tốt về cải tiến sản xuất và quản lý làm lợi cho xí nghiệp ;

c) Chi tặng phẩm thi đua.

Điều 31. — Quỹ phúc lợi dùng để :

a) Xây dựng thêm, mở rộng, sửa chữa nhà ở, câu lạc bộ, nhà nghỉ, trại điều dưỡng, vườn trẻ, nhà ăn, căng tin, các công trình thể dục, thể thao, giếng nước, bếp ăn... và làm những công việc khác phục vụ cho đời sống cán bộ, công nhân xí nghiệp ;

b) Cải thiện điều kiện sinh hoạt văn hóa và chăm lo sức khỏe cho cán bộ, công nhân xí nghiệp, mua sắm thêm dụng cụ y tế, thuốc men cho cơ sở điều trị của xí nghiệp (bệnh xá hoặc trạm xá) trang bị dụng cụ cho nhà ăn, căng tin, cho cơ sở điều trị, cho câu lạc bộ, cho vườn trẻ, mua sắm dụng cụ phương tiện thể dục thể thao, chi phí về nghỉ, về điều dưỡng ;

c) Cho vay làm vốn tăng gia sản xuất nhằm cải thiện sinh hoạt cho công nhân, viên chức ;

d) Chi phí thêm về bồi túc văn hóa và học tập nghiệp vụ kỹ thuật ở xí nghiệp ;

e) Trợ cấp khó khăn đột xuất.

Điều 32. — Đề xác định mức trích lập quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi, sau khi đã tính toán như quy định ở các điều 12, 13 và 14, còn phải đối chiếu với ba tiêu chuẩn sau đây :

— Giá trị sản lượng thương phẩm,

— Chi tiêu quỹ tiền lương,

— Chi tiêu về sản phẩm chủ yếu.

Nếu xí nghiệp không đạt ba tiêu chuẩn đó, thì sẽ trừ số được trích một tỷ lệ phần trăm hợp lý, tùy theo mức độ vi phạm tiêu chuẩn đối với từng quý ; Bộ Tài chính sẽ hướng dẫn cụ thể.

Điều 33. — Nguồn trích lập quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi là lợi nhuận xí nghiệp.

Đối với xí nghiệp có kế hoạch lỗ hoặc không có kế hoạch lãi thì quỹ này do Ngân sách cấp. Trên cơ sở mức độ hoàn thành kế hoạch giá thành cơ quan chủ quản sẽ cùng với cơ quan tài chính xác định số tiền cấp phát cho xí nghiệp.

Điều 34. — Quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi là hai quỹ riêng biệt không được điều hòa.

Điều 35. — Giám đốc xí nghiệp có trách nhiệm cùng với Ban chấp hành công đoàn xí nghiệp quản lý quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi

bản bạc cách sử dụng và giám sát việc sử dụng. Giám đốc xí nghiệp chịu trách nhiệm đề ra kế hoạch và hướng dẫn việc sử dụng quỹ khen thưởng, có sự tham gia của Ban chấp hành công đoàn.

Ban chấp hành công đoàn đề ra phương hướng và kế hoạch sử dụng quỹ phúc lợi và đưa ra đại hội công nhân, viên chức của xí nghiệp thảo luận và quyết định.

Điều 36. — Quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi được tạm trích trước hàng quý. Căn cứ vào kết quả công tác từng quý, xí nghiệp lập bảng trích quỹ phúc lợi và quỹ khen thưởng và báo cáo quyết toán (tổng kết tài sản) quý gửi lên Bộ chủ quản xí nghiệp. Sau khi được duyệt, thì tạm trích trước 50% quỹ phúc lợi và quỹ khen thưởng được trích của quý.

Hết năm, căn cứ vào mức trích quỹ phúc lợi và quỹ khen thưởng cả năm, xí nghiệp phải thanh toán số quỹ đã tạm trích trong các quý, còn thiếu thì trích thêm, nếu trích thừa thì nộp trả vào công quỹ.

Điều 37. — Việc xét duyệt quỹ phúc lợi và quỹ khen thưởng quy định như sau :

— Bộ chủ quản xét duyệt cho các xí nghiệp thuộc trung ương quản lý, sau khi bàn với Bộ Tài chính ;

— Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố xét duyệt cho các xí nghiệp thuộc địa phương quản lý, sau khi bàn với Sở, Ty tài chính.

Điều 38. — Căn cứ vào mức quỹ đã được xét duyệt hàng quý và cả năm, giám đốc xí nghiệp trích lập các quỹ nói trên theo đúng chế độ của Nhà nước. Cơ quan chủ quản xí nghiệp, cơ quan tài chính, cơ quan lao động và Tổng công đoàn có nhiệm vụ kiểm tra việc trích lập và sử dụng các quỹ này.

Điều 39. — Giám đốc xí nghiệp có nhiệm vụ tổ chức hạch toán quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi theo đúng chế độ kế toán của Nhà nước, lập quyết toán và báo cáo 6 tháng và hàng năm với đại hội công nhân, viên chức xí nghiệp và với cơ quan cấp trên. Kế toán trưởng có trách nhiệm giúp giám đốc xí nghiệp hạch toán và báo cáo chính xác các việc nói trên.

Điều 40. — Trong các báo cáo hàng quý, hàng năm của xí nghiệp, phải ghi rõ số tiền quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi được trích và số tiền đã chi dùng theo từng khoản.

MỤC VI — GÓP VỐN XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG VÀ BỔ SUNG VỐN LƯU ĐỘNG THEO KẾ HOẠCH

Điều 41. — Đề phát huy tính chủ động, tích cực của xí nghiệp, xí nghiệp nào có kế hoạch

xây dựng cơ bản (ngoài phần do quỹ khuyến khích phát triển sản xuất gánh chịu) hoặc có yêu cầu tăng thêm vốn lưu động theo kế hoạch được Nhà nước duyệt thì được dùng phần lợi nhuận còn lại (sau khi đã trích nộp vào Ngân sách Nhà nước và trích lập ba quỹ theo chế độ) để chi vào hai việc nói trên. Nếu số tiền còn lại không đủ thì ngân sách Nhà nước cấp thêm.

Hàng năm đi đôi với việc lập kế hoạch phân phối, sử dụng lợi nhuận, xí nghiệp phải lập kế hoạch vốn xây dựng cơ bản và kế hoạch vốn lưu động, kế hoạch này được duyệt thì mới được trích hoặc được cấp phát thêm nếu thiếu. Nếu không có kế hoạch sử dụng số vốn đó, thì phải nộp nốt phần lợi nhuận còn lại vào ngân sách Nhà nước. Nếu được trích rồi nhưng cuối năm sử dụng không hết thì số còn lại cũng nộp vào ngân sách Nhà nước.

Điều lệ này được ban hành kèm theo nghị định số 236-CP ngày 10-12-1970 của Hội đồng Chính phủ.

Hà-nội ngày 10 tháng 12 năm 1970

T.M. Hội đồng Chính phủ

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

LÊ THANH NGHỊ

NGHỊ ĐỊNH số 242-CP ngày 31-12-1971
ban hành Điều lệ về việc lập, thẩm tra, xét duyệt thiết kế các công trình xây dựng.

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Đề tăng cường quản lý công tác thiết kế các công trình xây dựng ;

Xét đề nghị của ông Chủ nhiệm Ủy ban Kiến thiết cơ bản Nhà nước (lờ trình số 566-UB/CT ngày 1-12-1970) ;

Căn cứ nghị quyết của Hội nghị Thường vụ Hội đồng Chính phủ ngày 2-12-1970.

NGHỊ ĐỊNH

Điều 1. — Nay ban hành kèm theo nghị định này bản Điều lệ về việc lập, thẩm tra, xét duyệt thiết kế các công trình xây dựng.

Điều 2. — Các ông Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, thủ trưởng các cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban hành

09671655
 Tel: +84-8-3845 6684 * www.LawSift.com